TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: **393**/2020/QĐST-HNGĐ	Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 381/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa :

Nguyên đơn : - Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1955;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 53 C, phường N, quận B, thành phố H.

Bị đơn : - Chị Lục Thị T, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Số 53 C, phường N, quận B, thành phố H.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 55, 58, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Văn T và chị Lục Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn T và chị Lục Thị T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 1995 đến năm 2001 vợ chồng chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn số 116, quyển số 1, ngày 06/9/2001 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố H.

2.2 Về nuôi con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Hương L (nữ) sinh ngày 09/8/1995 và Trịnh Thu H (nữ) sinh ngày 14/7/2000. Các cháu đã trưởng thành việc ở với ai do các cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.4 Về nhà ở: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.5 Về nợ chung : Anh chị xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

2.6 Về án phí ly hôn: Anh T tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Anh T được hoàn trả lại 150.000 đồng (đã nộp) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm. Theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số 0024583 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận Ba Đình ;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình;*
- *UBND phường N, quận B, thành phố H.*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP/TA.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGÔ THỊ VÂN